TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:25/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20/8/2020
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thanh;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Phụng, bà Rơ Mah H'Huy
-Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/8/2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2020 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Kpuih B, sinh năm 1986
Địa chỉ: Làng L 2, xã Ia L, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)
- Bị đơn: Chị Siu P, sinh năm 1987
Địa chỉ: Làng L1, xã Ia L, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn :
Luật sư Trương Thị P, (Có mặt)
- Người phiên dịch: Bà Ksor H'T. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Căn cứ tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp và trình bày có trong hồ sơ, vụ án được tóm tắt như sau:*

Anh Kpuih B và chị Siu P có trải qua thời gian tìm hiểu, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia L, huyện Đ, tỉnh Gia Lai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/3/2006. Sau khi kết hôn, anh B và chị P sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn với nhau, xích mích, đánh đập nhau. Anh B và chị P đã sống ly thân nhau từ 2015 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không thể níu kéo hạnh phúc với nhau được nữa, nên anh B đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chị P không chấp nhận.

-Về con chung: Anh Kpuih B và chị Siu P công nhận có 02 con chung gồm: Siu C, sinh ngày 13/5/2008 và Siu Nsinh ngày 01/6/2012, hiện đang sống cùng chị P.

Nguyện vọng của chị P được nuôi cả 02 cháu C, N, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mức 700.000đ/con/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2015.

-Về tài sản chung, nợ chung: Anh Kpuih B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ: 01 Sổ hộ khẩu (photo); - 01 chứng minh nhân dân (photo); 02 Giấy khai sinh (pho to) - 01 Trích lục kết hôn bản sao;

Tại phiên tòa:

+Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

+Bị đơn không chấp nhận ly hôn, yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mức 700.000đ/con/tháng tính từ tháng 6/2015 và yêu cầu chia tài sản chung gồm: 01 xe máy City giá khoảng 8.000.000đ, 01 máy nổ tưới cà phê giá khoảng 7.000.000đ, 01 con bò giá khoảng 15.000.000đ theo quy định của pháp luật.

+Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

-Về giải quyết quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

-Về giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của các đương sự: Đề nghị giao 02 cháu Siu C, sinh ngày 13/5/2008 và Siu Nsinh ngày 01/6/2012 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh B cấp dưỡng nuôi con phù hợp mức thu nhập của anh B và pháp luật.

-Về phân chia tài sản: Chị P đưa ra yêu cầu sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, nên không có cơ sở để đề nghị Hội đồng xét xem xét.

* Kiểm sát viên phát biểu:

-Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn thực hiện bảo đảm theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng quy định.

-Về nội dung giải quyết vụ án:

+Về quan hệ hôn nhận: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83,84, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân - Gia đình. Cần xử cho anh B được ly hôn với chị P. Giao cháu Siu C và Siu Ncho chị P nuôi dưỡng, buộc anh B cấp dưỡng nuôi con mức 700.000đ/con/tháng.

+Về tài sản chung, nợ chung: Chị P đưa ra yêu cầu sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, nên không có cơ sở để đề nghị Hội đồng xét xem xét.

+Về án phí: Đề nghị buộc anh B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ để nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Kpuih B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với chị Siu P. Yêu cầu khởi kiện của anh B thuộc trường hợp được quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nguyên nhân tranh chấp và giải quyết yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Anh Kpuih B và bà Siu P có qua thời gian quen biết tìm hiểu, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia L, huyện Đ, tỉnh Gia vào ngày 17/3/2006 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa anh B và chị P phát sinh mâu thuẫn, hiện hai người thừa nhận đã sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị P tuy không chấp nhận ly hôn, nhưng xin được nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6/2015 (Thời gian anh B không sống chung với chị P) và yêu cầu phân chia tài sản. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn của các đương sự đã thực sự trầm trọng kéo dài, không còn hạnh phúc, đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B là có cơ sở.

[3] Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Anh Kpuih B và chị Siu P công nhận có 02 con chung gồm: Siu C, sinh ngày 13/5/2008 và Siu Nsinh ngày 01/6/2012, hiện đang sống cùng chị P. Nguyện vọng của chị P xin được nuôi dưỡng cả 02 con. Hội đồng xét xử xét cần giao cả 02 cháu Siu C và Siu Ncho chị P trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của các cháu Cường và Nghiêm.

[4] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6/2015 (Thời gian anh B không sống chung với chị P) với mức 700.000đ/con/tháng, anh B không chấp nhận. Hội đồng xét xử xét việc cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Siu P là có căn cứ, cần buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu C, N mức 700.000đ/con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2015 (Thời gian anh B không sống chung với chị P) cho đến khi các cháu C, N thành niên đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Anh Kpuih B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị P yêu cầu chia tài sản chung gồm: 01 xe máy City giá khoảng 8.000.000đ, 01 máy nổ tưới cà phê giá khoảng 7.000.000đ, 01 con bò giá khoảng 15.000.000đ theo quy định của pháp luật sau. Nhận thấy quá trình giải quyết vụ án, chị P được thông báo, nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Cho đến khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa mới yêu cầu phân chia tài sản là sau khi Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải, nên căn cứ các Điều 70, 101,104, 200 Bộ luật tố tụng dân sự, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu chia tài sản của chị P trong cùng vụ án này. Sau này chị P có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, cần buộc anh B

phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn và án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con để sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 235, 264, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Kpuih B.

-Xử cho anh Kpuih B được ly hôn với chị Siu P.

-Giao cháu Siu C, sinh ngày 13/5/2008 và Siu N sinh ngày 01/6/2012 cho chị Siu P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

-Buộc anh Kpuih B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu C, N mức 700.000đ/con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2015 (Thời gian anh B không sống chung với chị P) đến khi các cháu C, N đủ 18 tuổi.

Anh B được quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Chị P, anh B có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức về cấp dưỡng nuôi con.

-Buộc anh Kpuih B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002517 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Buộc anh Kpuih B tiếp tục phải nộp 300.000đ để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Thời hạn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai của đương sự là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TA tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Ia L;
- Chi cục THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Thanh